

Tài liệu bồi dưỡng Văn 9-Tuần 8

CHUYÊN ĐỀ: TRUYỆN KIỀU

BÀI 3: KIỀU Ở LẦU NGUNG BÍCH (NGUYỄN DU)

* Vị trí đoạn trích

- Đoạn trích nằm ở phần thứ hai Gia biến và lưu lạc. Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú bà mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn, phẫn uất, tủi nhục, nàng định tự vẫn. Tú bà sợ mất vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho người tử tế. Tú bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngung Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đề tiện hơn, tàn bạo hơn.

- Đoạn trích miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi đáng thương; nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngung Bích. Đồng thời thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình.

*Bố cục

Phần 1 (6 câu đầu): Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều.

Phần 2 (8 câu tiếp): Kiều thương nhớ Kim Trọng và cha mẹ.

Phần 3 (8 câu cuối): Cảnh được cảm nhận qua tâm trạng. Cảnh nói lên tâm trạng đau buồn lo âu của Kiều.

1. Sáu câu thơ đầu: Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Kiều.

- Kiều ở lầu Ngung Bích thực chất là bị giam lỏng (**khoá xuân**). Sáu câu thơ đầu là một không gian nghệ thuật và một tâm trạng nghệ thuật đồng hiện.

- Kiều trơ trọi giữa một không gian mênh mông, hoang vắng: “bốn bề bát ngát xa trông”. Cảnh “non xa”, “trăng gần” gợi hình ảnh lầu Ngung Bích đơn độc, chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Từ trên lầu cao nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cái lầu chơi vơi ấy giam một thân phận trơ trọi, không một bóng hình thân thuộc bầu bạn, không cả bóng người.

Hình ảnh “non xa” “trăng gần”, “cát vàng”, “bụi hồng” có thể là cảnh thực mà cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ được **liệt kê** để gợi sự mênh mông, rộng ngợp của không gian, qua đó diễn tả tâm trạng cô đơn của Kiều.

- Cụm từ “**mây sớm đèn khuya**” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi “bẽ bàng mây sớm đèn khuya”. Sớm và khuya, ngày và đêm, ngày lại qua ngày, Kiều “thui thủi quê người một thân”, chỉ biết làm bạn với áng mây buổi sớm, ngọn đèn canh khuya. Đối diện với mây đèn, nàng càng thấm thía cái bẽ bàng của thân phận. Lớp lớp những nỗi niềm chua xót, đau thương khiến tấm lòng Kiều như bị chia xẻ: “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”. Vì vậy, dù cảnh có đẹp đến mấy, tâm trạng Kiều cũng không thể vui được. Nào rơi vào cảnh cô đơn tuyệt đối.

2. Tám câu tiếp: Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của Kiều:

* **Nhớ Kim Trọng**: Nhớ người tình là nhớ đến tình yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ tới lời thề đôi lứa. Kiều “tưởng” như thấy lại kỷ niệm thiêng liêng đêm thề nguyện, đính ước “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng”. Cái đêm ấy, khi mà đôi lứa “Đình ninh hai miệng một lời song song” hình như chỉ mới ngày hôm qua. Một lần khác nàng nhớ về Kim Trọng cũng là “Nhớ lời nguyện ước ba sinh”. Kiều xót xa hình dung người yêu vẫn chưa biết tin nàng bán mình, vẫn ngày đêm mòn mỏi chờ trông chốn Liêu Dương xa xôi. Nàng nhớ người yêu với tâm trạng đau đớn: “Tám son gột rửa bao giờ cho phai”. Có lẽ “tám son” ấy là tám lòng Kiều son sắt, thủy chung, không nguôi nhớ thương Kim Trọng. Cũng có thể là Kiều đang tủi nhục khi tâm lòng son sắt đã bị đập vùi, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa cho được. Những câu thơ độc thoại nội tâm đã diễn tả thật sâu sắc, tinh tế tâm trạng ngập tràn nhớ thương, đau đớn và xót xa của Kiều khi nhớ về Kim Trọng.

* **Nhớ cha mẹ**: nàng thấy “xót” khi tưởng tượng, ở chốn quê nhà, cha mẹ nàng vẫn tựa cửa ngóng chờ tin tức người con gái yêu. Nàng xót thương da diết và day dứt khôn nguôi vì không thể “quạt nồng ấp lạnh”, phụng dưỡng song thân, băn khoăn không biết hai em có chăm sóc cha mẹ chu đáo hay không. Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh”, điển cố “sân Lai”, “gốc tử” đều nói lên tâm trạng nhớ thương, tấm lòng hiếu thảo của Kiều. Nàng tưởng tượng nơi quê nhà tất cả đã đổi thay, gốc tử đã vừa người ôm, cha mẹ ngày thêm già yếu. Cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa cho thấy sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi được sự tàn phá của thời gian, của thiên nhiên lên con người và cảnh vật. Lần nào nhớ về cha mẹ, Kiều cũng “nhớ ơn chín chữ cao sâu” và luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dạy của cha mẹ.

* **Nỗi nhớ thương của Kiều đã nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng**. Hoàn cảnh của nàng lúc này thật xót xa, đau đớn. Nhưng quên đi cảnh ngộ bản thân, nàng đã hướng yêu thương vào những người thân yêu nhất. Trái tim nàng thật giàu yêu thương giàu đức hi sinh. Nàng thật sự là một người tình thủy chung, một người con hiếu thảo, một người có tấm lòng vị tha cao cả đáng quý.
* **Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau**. Theo nhiều nhà nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, nhưng thật ra điều này vừa phù hợp với qui luật tâm lý, vừa thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Kiều bán mình cứu cha và em là đã đền đáp được một phần công lao cha mẹ, giải quyết xong mối xung đột giữa chữ hiếu và chữ tình:

“*Duyên hội ngộ, đức cù lao
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?
Để lời thề hải minh sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.*”

Trong lòng nàng luôn ám ảnh mặc cảm phụ tình chàng Kim:

Ôi Kim lang, hỡi Kim lang!

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!

Chính vì vậy, trong hoàn cảnh cô đơn ngập tràn thương nhớ, Kiều nhớ đến Kim Trọng trước là phù hợp với logic tình cảm, thể hiện được trái tim giàu lòng nhân đạo của Nguyễn Du.

3. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du trong 8 câu cuối “Kiều ở lầu Ngưng Bích”: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

- Đoạn thơ này được xem là kiêu mẫu của **lối thơ tả cảnh ngụ tình** trong văn chương cổ điển, là một minh chứng cho nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du. Để khắc họa tâm trạng của Kiều lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”.

- Đây là 8 câu thơ thực cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời là **một ẩn dụ** về tâm trạng của người; mỗi một cảnh lại khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau, với những lý do buồn khác nhau trong khi nỗi buồn đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh, khiến cảnh mỗi lúc lại buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc một ghê gớm, mãnh liệt hơn.

- **Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ** cũng thật sâu sắc và tinh tế. Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được tác giả khắc họa qua điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu có nghĩa là buồn mà trông ra bốn phía, trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng. “Buồn trông” có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ khuất tầm nhìn, có cả dự cảm hãi hùng của người con gái ngây thơ lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang ngược. Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. Điệp ngữ lại được kết hợp với các từ láy chủ yếu là những từ láy tượng hình, dồn dập, chỉ có một từ láy tượng thanh ở câu cuối tạo nên nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày một tăng, dâng lên lớp lớp, nỗi buồn vô vọng, vô tận. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

Cảnh 1: Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển là một hình ảnh rất đắt để thể hiện nội tâm nàng Kiều. Một cánh buồm nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của mặt trời sắp tắt; cũng như Kiều trong không gian vắng lặng của hiện tại nhìn về phương xa với nỗi buồn nhớ da diết về gia đình, quê hương. Con thuyền gần như mất hút, vẫn còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu.

Cảnh 2: Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Những cánh hoa nhỏ bé, mong manh, tàn lụi, trôi man mác trên ngọn nước mới sa khiến Kiều càng buồn hơn bởi nàng như nhìn thấy trong đó thân phận mình

lênh đênh, vô đnh, ba chìm bảy nổi giữa sóng nước cuộc đời, không biết rồi sẽ trôi dạt đi đâu, sẽ bị dập vùi ra sao.

- Việc sử dụng câu hỏi tu từ “Hoa trôi man mác biết là về đâu?” đã càng làm rõ được số phận bất hạnh, trôi nổi của Thúy Kiều.

Cảnh 3: Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu...

Nội cỏ "rầu rầu", "xanh xanh" - sắc xanh héo úa, mù mịt, nhạt nhoà trải dài từ chân mây đến mặt đất. Còn đâu cái "xanh tận chân trời" như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đầm ấm. Màu xanh này gọi cho Kiều một nỗi chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày vô vị, tẻ nhạt, một tương lai mù mịt, héo tàn không biết kéo dài đến bao giờ. Sắc cỏ rầu rầu tàn úa ấy nàng đã một lần nhìn thấy mới ngày nào trên nấm mồ Đạm Tiên: Sè sè nấm đất bên đường.

Cảnh 4: Buồn trông gió cuốn mặt duềnh...

Dường như nỗi buồn càng lúc càng tăng, càng dồn dập. Một cơn "gió cuốn mặt duềnh" làm cho tiếng sóng bỗng nổi lên âm âm như vây quanh ghé Kiều ngồi. Cái âm thanh "âm âm tiếng sóng" ấy chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đã, đang ập đổ xuống đời nàng và còn tiếp tục đè nặng lên kiếp người nhỏ bé ấy trong xã hội phong kiến cổ hủ, bất công. Tất cả là đợt sóng đang gầm thét, rì rào trong lòng nàng. Lúc này Kiều không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như rơi dần vào vực thẳm một cách bất lực. Nỗi buồn ấy đã dâng đến tột đỉnh, khiến Kiều thực sự tuyệt vọng. Thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là cảnh được nhìn qua tâm trạng theo quy luật "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

=> Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn đạt nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến bão táp nội tâm cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Tất cả là hình ảnh về sự vô định, mong manh, sự dạt trôi bấp bấp, sự chao đảo, nghiêng đổ dữ dội. Lúc này Kiều trở nên tuyệt vọng, yếu đuối nhất. Cũng vì thế mà nàng đã mắc lừa Sở Khanh để rồi dấn thân vào cuộc đời "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần".

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT - YÊU MÔN VĂN